

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN XÃ HỘI HỌC

(Dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo đại học của Trường)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Xã hội học**

Tiếng Anh: **Sociology**

Mã học phần: **DCB.03.08**

Số tín chỉ: **2 tín chỉ**

Vị trí của học phần trong CTĐT

| Kiến thức giáo dục đại cương | | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | | | | |
|-----------------------------------|---|-----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|---|
| | | Kiến thức cơ sở ngành | | Kiến thức ngành | | <input type="checkbox"/> Thực tập/khóa luận tốt nghiệp |
| <input type="checkbox"/> Bắt buộc | <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn | <input type="checkbox"/> Bắt buộc | <input type="checkbox"/> Tự chọn | <input type="checkbox"/> Bắt buộc | <input type="checkbox"/> Tự chọn | |

- Các môn học tiên quyết: **Không có**
- Học phần song hành: **Không**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: **100 giờ**
 - + Nghe giảng lý thuyết: **20 giờ**
 - + Chữa bài tập **7 giờ**
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành: **7 giờ**
 - + Kiểm tra: **2 giờ**
- Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm): **64 giờ**
(01 giờ chuẩn = 1 tiết LT, KT hoặc 2 tiết Bài tập, Thực hành, Thảo luận trên lớp)
- Bộ môn phụ trách học phần: **Khoa Cơ bản, Bộ môn Lý luận chính trị**

Giảng viên phụ trách chính học phần:

- Tên: TS. Nguyễn Văn Sanh
- Chức danh: Trưởng khoa cơ bản; Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị
- Thông tin liên hệ: 0913587494; gmail: sanhtcnh@gmail.com

Giảng viên cùng giảng dạy:

- ThS. Nguyễn Thị Hương:
- Chức danh: Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị - Khoa cơ bản

- Thông tin liên hệ: 0963785092; gmail: linhhuong.epu@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Xã hội học là ngành khoa học nghiên cứu các quy luật chung của sự tồn tại, hoạt động và phát triển của xã hội, các mối quan hệ xã hội, sự tác động qua lại giữa các thành phần cơ bản của xã hội tạo thành xã hội như một chỉnh thể. Từ sự trình bày, phân tích các khái niệm cơ bản như cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, nhóm xã hội, thiết chế xã hội..., cung cấp tri thức, hiểu biết về cách thức tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin; môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt, như xã hội học tội phạm, xã hội học về dư luận xã hội, xã hội học đô thị và xã hội học nông thôn, xã hội học gia đình. Trên cơ sở những thành tựu khoa học về tri thức và công nghệ đã đạt được, xã hội học trang bị cho người học những tri thức khoa học về các lĩnh vực xã hội và kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu, giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đặt ra.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung: Trang bị cho sinh viên tri thức xã hội học đại cương, tri thức xã hội học chuyên biệt, những hiểu biết về cộng đồng xã hội, nhóm xã hội, thiết chế xã hội, gia đình, văn hoá xã hội và xã hội hoá, chuẩn mực, lối sống, nghiên cứu dư luận xã hội.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

| Mục tiêu học phần | Mô tả mục tiêu học phần |
|--------------------------|---|
| CSO 1.1 | <ul style="list-style-type: none">- Trình bày được lịch sử hình thành và phát triển của ngành xã hội học, các quan điểm của một số trường phái xã hội học và một số nhà xã hội học tiêu biểu;- Phân biệt được khoa học xã hội học với các ngành khoa học xã hội khác;- Mô tả (so sánh, phân tích) được hệ thống các khái niệm cơ bản của khoa học xã hội học, như cơ cấu xã hội, hệ thống xã hội, nhóm xã hội, vị thế xã hội, thiết chế xã hội, xã hội hóa...;- Trình bày được qui trình (các bước) tiến hành một cuộc điều tra xã hội học;- Xây dựng được bảng câu hỏi (phiếu điều tra) và hiểu được nội dung, bản chất các phương pháp thu thập thông tin (phân tích tài liệu có sẵn, quan sát, phỏng vấn, ankét, thực nghiệm); |
| CSO 2.1 | <ul style="list-style-type: none">- Hình thành thói quen chú ý, quan sát, ghi nhận các sự kiện, hiện tượng diễn ra trong cuộc sống;- Rèn luyện kỹ năng vận dụng tri thức xã hội học để lý giải tình hình, thực trạng và bản chất của các sự kiện, hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội;- Kỹ năng sử dụng linh hoạt các công cụ xã hội học (quy trình tiến hành một cuộc điều tra, các phương pháp thu thập thông tin...) để điều tra, nghiên cứu, làm sáng tỏ một vấn đề xã hội nói chung hay |

| | |
|----------------|---|
| | <p>một vấn đề pháp luật nói riêng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện khả năng nghiêm túc, độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học. |
| CSO 3.1 | <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành sự say mê, hứng thú trong quá trình học tập, nghiên cứu xã hội học; - Chủ động, tự tin trong lý giải, phân tích một vấn đề xã hội; - Tôn trọng và biết lắng nghe ý kiến, quan điểm của người cung cấp thông tin và những người cùng làm việc trong nhóm. |

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

| <i>Mục tiêu học phần</i> | <i>CĐR học phần</i> | <i>Mô tả chuẩn đầu ra học phần</i> <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i> | <i>CĐR của CTĐT</i> | <i>Mức độ đóng góp cho CTĐT</i> |
|--|-----------------------|--|--|---------------------------------|
| <i>CĐR về kiến thức:</i> | | | | |
| <i>PSO 1.1</i> | <i>CLO 1.1</i> | Có khả năng nhớ được các khái niệm cơ bản của xã hội học | <i>PLO 1.3</i> | 3 |
| | <i>CLO 1.2</i> | Có khả năng hiểu được các cơ chế tác động và các hình thức biểu hiện của các quy luật xã hội chung trong các hoạt động của cá nhân, các nhóm xã hội, các giai cấp và các dân tộc | <i>PLO 1.3</i> | 2 |
| <i>CĐR về kỹ năng:</i> | | | | |
| <i>PSO 2.1</i> | <i>CLO 2.1</i> | Có khả năng vận dụng được kiến thức, sự hiểu biết về xã hội học để có thể giải thích được nguồn gốc, nguyên nhân, thực trạng và bản chất của các sự kiện, hiện tượng xã hội, quá trình xã hội như phân tầng xã hội, tính cơ động xã hội, hiện tượng tội phạm, hành vi sai lệch, dư luận xã hội, các đặc trưng cơ bản của cộng đồng xã hội đô thị và cộng đồng xã hội nông thôn... | <i>PLO 2.4</i> | 2 |
| | <i>CLO 2.2</i> | Giúp người học có được nhãn quan mới mẻ hơn khi tiếp cận tới các hiện tượng xã hội, sự kiện xã hội và quá trình xã hội vốn rất gần gũi rất quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày | <i>PLO 2.1</i> <i>PLO 2.2</i> | 2 2 |
| <i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i> | | | | |

| <i>Mục tiêu học phần</i> | <i>CĐR học phần</i> | <i>Mô tả chuẩn đầu ra học phần</i> <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i> | <i>CĐR của CTĐT</i> | <i>Mức độ đóng góp cho CTĐT</i> |
|---------------------------------|-----------------------|---|---|---|
| <i>CĐR về kiến thức:</i> | | | | |
| <i>PSO 3.1</i> | <i>CLO 3.1</i> | Có khả năng đánh giá được đầy đủ sức mạnh và vị trí của con người trong hệ thống xã hội, góp phần nâng cao tính tích cực xã hội của cá nhân và hình thành nên tư duy khoa học trong khi xem xét, phân tích, nhận định, dự báo về các sự kiện, hiện tượng và quá trình xã hội | <i>PLO 3.1</i> <i>PLO 3.2</i> <i>PLO 3.3</i> | <i>2</i> <i>2</i> <i>1</i> |
| | <i>CLO3.2</i> | Giúp sinh viên Có thái độ xem xét, đánh giá đúng đắn, khách quan, khoa học về các hiện tượng, các quá trình xã hội, biết vận dụng các tri thức xã hội học vào trong lĩnh vực công tác sau này | <i>PLO3.3</i> | <i>1</i> |

5. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

| | | | | | | | |
|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|---|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------|----------------------------|
| <input type="checkbox"/> | Thuyết trình tích cực | <input checked="" type="checkbox"/> | Làm việc nhóm | <input type="checkbox"/> | Dạy học thực hành | <input type="checkbox"/> | Dự án/Đồ án |
| <input type="checkbox"/> | Thảo luận/Semina | <input type="checkbox"/> | Trình bày báo cáo | <input type="checkbox"/> | Thí nghiệm | <input type="checkbox"/> | Mô phỏng |
| <input type="checkbox"/> | Tiểu luận/Bài tập lớn | <input checked="" type="checkbox"/> | Nghiên cứu trường hợp/Tình huống | <input type="checkbox"/> | Thực tập | <input type="checkbox"/> | Tự học có hướng dẫn |
| <input checked="" type="checkbox"/> | Giải quyết vấn đề | <input type="checkbox"/> | Thuyết giảng | <input type="checkbox"/> | Phát vấn | <input checked="" type="checkbox"/> | PP khác |

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

7. Học liệu:

7.1. Tài liệu bắt buộc:

- 1) TS. Nguyễn Văn Sanh, (2008), Giáo trình đại cương về xã hội học, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
- 2) Slides bài giảng của giảng viên

7.2. Tài liệu tham khảo:

- 1) Phạm Tất Dong và Lê Ngọc Hùng (2008), Xã hội học, NXB Thế giới, Hà Nội
- 2) Nguyễn Quý Thanh, Xã hội học về dư luận xã hội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.

8. Kế hoạch giảng dạy:

| Tuần/Bài | | Nội dung giảng dạy | Số tiết (Lý thuyết, Thảo luận, Thực hành) | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên |
|-------------------|--------------|---|--|---|--|
| Tuần 1 | Bài 1 | Chương I. Sơ lược lịch sử xã hội học I. Những điều kiện ra đời của xã hội học II. Quá trình hình thành và phát triển của xã hội học III. Những đóng góp của các nhà xã hội học tiêu biểu. | 2 Lý thuyết | + Giáo trình từ tr. 1 – 17. + Tài liệu tham khảo từ tr. – tr. | + Tra cứu, đọc trước tài liệu (6 tiết) |
| | Bài 2 | Chương II. Đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học I. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học. II. Phương pháp nghiên cứu của xã hội học III. Những nguyên lý xây dựng tri thức xã hội học và chức năng của xã hội học | 2 lý thuyết 3 tiết thảo luận, BT | + Giáo trình từ tr. 17 – tr. 35. + Sách tham khảo 1 từ tr. – tr. | + Tra cứu, đọc trước tài liệu (7 tiết) |
| Tuần 2 | Bài 3 | Chương III. Văn hoá xã hội và xã hội hoá I. Văn hoá xã hội và các yếu tố văn hoá xã hội. II. Xã hội hoá 2.1. Con người theo | 2 lý thuyết | + Giáo trình: 36-68 + Sách tham khảo | + Đọc trước tài liệu + Chuẩn bị nội dung thảo luận: Thế nào là văn hoá? Phân biệt văn hoá vật chất |

| Tuần/Bài | | Nội dung giảng dạy | Số tiết (Lý thuyết, Thảo luận, Thực hành) | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên |
|---------------|--------------|--|--|---|---|
| | | quan niệm của xã hội học. 2.2. Một số khái niệm khi nghiên cứu về con người. | | | và văn hoá tinh thần. (6 tiết) |
| | Bài 4 | Chương III. (tiếp) II. Xã hội hoá 2.3. Xã hội hoá | 2 lý thuyết 3 tiết thảo luận, BT | + Giáo trình: 68-76 + Sách tham khảo | + Đọc trước, tra cứu tài liệu(6 tiết) |
| Tuần 3 | Bài 5 | Chương IV. Xã hội và cơ cấu xã hội. I. Xã hội II. Cơ cấu xã hội III. Ý nghĩa của việc nghiên cứu cơ cấu xã hội | 2 lý thuyết | + Giáo trình + Sách tham khảo | + Đọc trước tài liệu + Chuẩn bị tài liệu thảo luận với nội dung: Một số vấn đề nghiên cứu cơ cấu xã hội đặt ra ở Việt Nam. (7 tiết) |
| | Bài 6 | Chương V. Phân tầng xã hội – biến đổi xã hội. I. Bất bình đẳng xã hội và phân tầng xã hội II. Bất bình đẳng xã hội | 2 lý thuyết 3 tiết thảo luận, BT | + Giáo trình + Sách tham khảo | + Đọc trước, tra cứu tài liệu. + Chuẩn bị tài liệu với nội dung thảo luận: Nêu những biến đổi xã hội đang diễn ra ở VN? Biến đổi nào có ảnh hưởng tích cực, biến đổi nào có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển xã hội Việt Nam? (7 tiết) |
| Tuần 4 | Bài 7 | Chương VI. Trật tự xã hội và kiểm soát xã hội. I. Trật tự xã hội. II. Sai lệch xã hội | 2 lý thuyết 3 tiết thảo luận, BT | + Giáo trình + Sách tham khảo | + Đọc trước, tra cứu tài liệu. (6 tiết) |
| | Bài 8 | Chương VI (tiếp) | 2 lý thuyết | + Giáo trình | + Đọc trước, tra |

| Tuần/Bài | | Nội dung giảng dạy | Số tiết (Lý thuyết, Thảo luận, Thực hành) | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên |
|-------------------|-------------------|--|--|-------------------------------------|--|
| | | III. Kiểm soát xã hội Chương VII. Phương pháp điều tra xã hội I. Xây dựng bảng câu hỏi | | + Sách tham khảo | cứu tài liệu. (6 tiết) |
| Tuần 5 | Bài 9 | Chương VII. (tiếp) II. Các phương pháp thu thập thông tin trong điều tra xã hội học. | 2 lý thuyết 3 tiết thảo luận, BT | + Giáo trình + Sách tham khảo | + Đọc trước, tra cứu tài liệu. + chuẩn bị làm bài kiểm tra định kỳ. (6 tiết) |
| | Bài 10 | Ôn tập + kiểm tra định kỳ | 2 tiết kiểm tra 3 tiết thảo luận, BT | | + Ôn tập, hệ thống kiến thức. (7 tiết) |

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường: 301, 401, 501, 601, 701
- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): Máy chiếu, màn hình chiếu, máy tính, bảng, phấn ...

10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

Kết quả đánh giá học phần dựa trên đánh giá các hoạt động của sinh viên trong suốt quá trình học, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần thể hiện thông qua bài đánh giá; chuẩn đầu ra học phần được đánh giá; tiêu chí, tiêu chuẩn và trọng số của các đánh giá.

| Thành phần đánh giá | Bài đánh giá | CDR học phần | Tiêu chí đánh giá | Chuẩn đánh giá | Trọng số (%) |
|------------------------|--|----------------|--|----------------|--------------|
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1: Chuẩn bị bài ở nhà | CLO 01, 07 | Trả lời được các câu hỏi của giảng viên. | Thang điểm 10 | 20 |
| | A1.2: Thái độ học tập, làm việc nhóm | CLO 02, 03, 06 | Tham gia đầy đủ các bài thảo luận | Thang điểm 10 | 20 |
| A2. Đánh giá cuối kỳ | A2.1: Các bài báo cáo cá nhân | CLO 04, 05 | Viết tay; đánh máy, trình bày chi tiết, rõ ràng, chính xác | Thang điểm 10 | 20 |
| | A2.2: Thuyết trình kết quả thí nghiệm (báo | CLO 04, 05 | Báo cáo thuyết trình bằng file powerpoint | Thang điểm 10 | 20 |

| | | | | | |
|--|-----------------------|--------------------|---------------|---------------|----|
| | cáo nhóm) | | | | |
| | A2.3: Bài thi tự luận | CLO 01, 02, 05, 06 | 3 câu/10 điểm | Thang điểm 10 | 20 |

10.2. Miêu tả chi tiết các bài tập và bộ tiêu chí đánh giá:

Bài tập 1: Thảo luận nhóm.

Chủ đề 1: Thanh niên đang có Xu hướng thích làm việc cho các tổ chức ngoài nhà nước, đó có phải là thay đổi định hướng giá trị không? Yếu tố nào tác động đến sự thay đổi đó.

Chủ đề 2: Quan niệm về chữ hiếu trước kia là khi cha mẹ ốm đau con cái phải hy sinh tất cả để trực tiếp phụng dưỡng cha mẹ còn ngày nay khi con cái không đủ thời gian để trực tiếp chăm sóc cha mẹ thì có thể thuê mướn người chăm sóc thay. Đó có phải là sự sai lệch về đạo đức không? Hãy lý giải tại sao?

Mô tả chi tiết

Lớp được chia thành các nhóm từ 5 bạn trở lên

Trước bài thảo luận mỗi nhóm cần:

- (1) nghiên cứu kỹ đề tài thảo luận được cho trước
- (2) nhóm trưởng phân công các thành viên đọc các tài liệu được GV hướng dẫn và phân công thành viên ghi chép, thu thập tài liệu.
- (3) mỗi nhóm trình bày (bằng màn hình chiếu hoặc nói xướng, một người đại diện hoặc kết hợp các thành viên...) trước lớp khoảng 10 phút.
- (4) Trả lời câu hỏi, phản biện lại ý kiến của các nhóm khác.
- (5) Nghe giảng viên bộ môn nhận xét.

Trong mỗi giờ học, giáo viên sẽ:

- (1) lựa chọn một hoặc nhiều hơn các đề tài thảo luận.
- (2) gọi một hay hai nhóm **bất kỳ** lên trình bày về nội dung của đề tài được lựa chọn.
- (3) khuyến khích các bạn nhóm khác đặt câu hỏi về đề tài thảo luận
- (4) tóm tắt nội dung chính đã được trình bày và giải thích những phần kiến thức sinh viên hiểu sai hoặc còn thiếu sót.
- (5) nhấn mạnh các nội dung phân bài và các hoạt động nhằm giúp sinh viên hiểu đúng hơn, sâu hơn về nội dung buổi học.
- (6) Sau mỗi buổi thảo luận, **tất cả** các nhóm cần nộp lại sản phẩm đã chuẩn bị (kể cả nhóm không trình bày).

Giáo viên chấm điểm bài summary và trình bày của nhóm dựa vào tiêu chí chấm và thang đo dưới đây. Nếu nhóm trình bày nhiều hơn 1 lần trong khoá học thì lấy điểm trung bình.

Tiêu chí đánh giá (Rubrics)

| Tiêu chí | Yếu (dưới 5 điểm) | Trung bình (5-6 điểm) | Khá (7-8 điểm) | Giỏi (9-10 điểm) |
|---|---|--|---|--|
| (1) Nhận diện được các ý chính của bài thảo luận 25% | Bài trình bày thể hiện việc người học không nắm được nội dung bài, lạc đề, không đưa ra được các ý chính về bài thuyết trình. | Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ hiểu một phần nhỏ nội dung chủ đề vì chỉ nhắc tới một vài ý chính của bài thuyết trình tương ứng với mục tiêu được giao. | Bài trình bày thể hiện việc người học hiểu khá tốt nội dung đề bài vì người học nói đúng nội dung, súc tích, đầy đủ. | Bài trình bày thể hiện việc người học chuẩn bị nội dung phong phú, đúng với chủ đề, trình bày rõ ràng, đầy đủ. |
| (2) Mức độ đạt được mục tiêu được giao 25% | Nội dung không liên quan đến chủ đề thảo luận được giao. | Nội dung nhắc đến một phần mục tiêu của đề bài. | Nội dung trình bày tương đối đầy đủ các mục tiêu của chủ đề thảo luận. | Nội dung giúp người học thực hiện hoá được hết (các) mục tiêu chủ đề được giao. |
| (3) Tính rõ ràng 20% | Có rất ít sự liên kết giữa các nội dung được trình bày. Thông tin đưa ra thường không liên quan đến ý cần nói. Nội dung thiếu thông tin chi tiết. | Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra phần lớn có liên quan đến ý cần nói. Nội dung có kèm theo thông tin chi tiết. | Liên kết giữa các nội dung được trình bày khá rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp. | Liên kết giữa các nội dung được trình bày rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được bố cục chặt chẽ và phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp. |
| (4) khả năng làm việc nhóm, 10% | Rời rạc, không có liên kết, chuẩn bị nội dung sơ sài. | 2/3 số thành viên tham gia đóng góp bài thuyết trình, nhưng các thành viên ít tương tác, sản phẩm không được phong phú về hình ảnh, nội dung. | Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú. | Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú, các thành viên hỗ trợ nhau phản biện, trình bày sinh động, có sử dụng công nghệ. |
| (5) Người thuyết trình 10% | Người trình bày nói không rõ ràng và ngập ngừng nhiều (dài). Không mạch lạc, nói vấp, nói sai. | Người trình bày nói chậm, không có ngữ điệu. | Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải. | Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải, kết hợp các thành viên cùng tham gia thuyết trình, có tương tác với người nghe. |

| | | | | |
|---|---|--|--|---|
| (6) Trả lời câu hỏi của khán giả 10% | Không trả lời được câu hỏi nào từ bạn/ giáo viên. | Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu kiến thức về chủ đề được hỏi. | Hầu hết các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết khá tốt về chủ đề được hỏi. | Tất cả các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề được hỏi. |
|---|---|--|--|---|

Chú ý: Giảng viên có thể linh hoạt theo từng lớp.

- Nếu có thời gian và trình độ chung về THT của lớp tốt, giáo viên có thể yêu cầu SV thuyết trình, dùng 2 tiêu chí cuối.

- Nếu lớp có trình độ chung về THT chưa tốt lắm. và sinh viên cần nhiều hỗ trợ của giáo viên hơn về mặt nội dung, thì giáo viên có thể không yêu cầu SV thuyết trình mà chỉ chuẩn bị bài như yêu cầu. Thời gian còn lại dùng cho các hoạt động thảo luận. Như vậy 2 tiêu chí dưới cùng không dùng, và 20% điểm đó có thể được cộng vào tiêu chí 3 và 4.

Bài tập 02: Kiểm tra viết (tự luận)

Câu hỏi dự kiến:

- 1) Hãy xác định hệ giá trị căn bản của xã hội Việt Nam hiện nay. Đối với anh/chị những giá trị xã hội nào chi phối, ảnh hưởng đến hành động của anh chị trong quan hệ với người khác
- 2) Theo lý thuyết thì quyền lực xã hội bao giờ cũng gắn với quyền lợi xã hội. Bằng những hiểu biết về quyền lực xã hội anh chị lý giải tại sao cá nhân trong xã hội có khuynh hướng muốn đạt tới một vị trí xã hội cao.

Mô tả chi tiết

Sinh viên làm việc độc lập:

(1) Sinh viên sẽ được đánh số báo danh và phát đề chẵn-lẻ. Điểm bài viết của sinh viên sẽ được cộng với điểm tham gia thảo luận, điểm kiểm tra miệng sau đó chia trung bình và được tính là điểm kiểm tra định kỳ.

(2) các bài viết này thể hiện các hoạt động học tập sinh viên đã thực hiện và khả năng áp dụng những gì đã được học.

Tiêu chí đánh giá bài viết

| Thang điểm | Nội dung bài viết | Tính mạch lạc và liên kết văn bản | Hiệu ứng đối với người đọc |
|-------------------|--|--|--|
| 9- 10 | Nội dung đầy đủ và xuất sắc yêu cầu bài viết Đề cập được các ý chính và mở rộng được ý bằng các ví dụ | Bố cục rõ ràng, văn phong mạch lạc. | Tạo ấn tượng tốt với người đọc |
| 7- 8 | Thực hiện đầy đủ yêu cầu bài viết Trả lời đủ các ý theo yêu cầu bài viết | Nhìn chung bài có bố cục rõ ràng, văn phong phù hợp. | Tạo ấn tượng tích cực đối với người đọc. |

| | | | |
|-------------|--|---|---|
| | | | |
| 5- 6 | Thực hiện được một số các yêu cầu bài viết Có đủ các ý chính tuy có thể thêm một vài ý nhỏ khác | Bố cục bài viết chưa thực sự tốt, câu cú còn đôi chỗ lủng củng. | Tạo ấn tượng thỏa đáng đối với người đọc. |
| 3- 4 | Thực hiện chưa đầy đủ yêu cầu bài viết Thiếu một số ý cơ bản trong bài viết hoặc ý không phù hợp | Bố cục không rõ ràng, văn phong viết không phù hợp. | Tạo ấn tượng chưa tốt đối với người đọc. |
| 1- 2 | Bài thiếu ý, ý không phù hợp hoặc do hiểu sai yêu cầu bài viết | Bố cục không rõ ràng gây khó hiểu hoặc không truyền đạt được thông tin. Viết không đúng văn phong. | Tạo ấn tượng không tốt đối với người đọc. |
| 0 | Không đạt được yêu cầu nào. Viết được dưới 25% số từ được yêu cầu hoặc bài viết không phù hợp về nội dung. | | |

10.3. Chính sách trong kiểm tra, đánh giá:

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần.
- Có điểm thưởng cho sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi, có sự sáng tạo trong thảo luận, tranh biện.

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

Viện trưởng

Trưởng bộ môn

Người soạn thảo



TS. Nguyễn Văn Sanh



TS. Nguyễn Văn Sanh



TS. Nguyễn Văn Sanh